

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 25 - 9 - 2020.  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Trung Chiến.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Bình

Ông Tôn Thất Hưng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham  
gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu,  
tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 290/2020/TLST-  
HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo  
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9  
năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1969;

Trú tại: số 60, đường N1, khu dân cư T, ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng  
Nai.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1969;

Trú tại: số 60, đường N1, khu dân cư T, ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng  
Nai.

( ông H có mặt, bà L vắng mặt ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên  
đơn ông Trần Ngọc H trình bày:**

Ông và bà Trần Thị Kim L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết  
hôn và được UBND xã T, huyện V, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số:  
61/1998 ngày 29/6/1998. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên

xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà L thường xuyên thiếu nợ mọi người rất nhiều lần, ông đã bán nhà đất hai lần để trả nợ cho bà L, nhưng bà L vẫn không thay đổi, khiến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông xin được ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 15/3/2000 (đã trưởng thành) và Trần Ngọc L, sinh ngày 23/12/2007. Khi ly hôn ông xin được nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn bà Trần Thị Kim L trình bày ý kiến:**

Bà và ông Trần Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn đúng như ông H trình bày. Nay bà không đồng ý ly hôn, vì bà còn rất yêu thương chồng bà.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 15/3/2000 (đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết còn đối với cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 23/12/2007. Khi ly hôn bà đồng ý giao cháu L cho ông H nuôi dưỡng, tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

**Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

**Về đường lối giải quyết vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho ông Trần Ngọc H được ly hôn với bà Trần Thị Kim L.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 23/12/2007 cho ông H nuôi dưỡng, tạm thời bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung các đương sự đều, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc ông H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tổ tụng dân sự:**

1.1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Bà Trần Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà L.

**[2] Về nội dung vụ án:**

**2.1.** Về quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Ngọc H và bà Trần Thị Kim L là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

**2.2.** Yêu cầu của ông H xin được ly hôn với bà L. Vì ông H cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bà L thường xuyên thiếu nợ dẫn đến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà L cũng không có ý kiến gì để vợ chồng đoàn tụ mà chỉ trình bày là rất yêu thương chồng. Nay ông H có đơn và kiên quyết xin ly hôn với bà L. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho ông H được ly hôn với bà L là phù hợp với quy định của pháp luật.

**2.3.** Về con chung: Ông H có nguyện vọng được nuôi cháu L và được bà L đồng ý giao cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 23/12/2007 cho ông H nuôi dưỡng, nên được ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con tạm thời bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

**2.4.** Về tài sản chung tự thỏa thuận: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[3]. Về án phí sơ thẩm:** Buộc ông H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

**[4].** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147, khoản 1, Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho ông Trần Ngọc H được ly hôn với bà Trần Thị Kim L.

**2. Về con chung:**

- Giao cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 23/12/2007 cho ông H nuôi dưỡng.

- Tạm thời bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bà Trần Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở bà L thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**4. Nợ chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**5. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003159 ngày 04/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Ông H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Ông Trần Ngọc H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng bà Trần Thị Kim L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Thạnh phú;
- Chi cục THADS H.Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Trung Chiến**

